TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 02/01/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị L, sinh năm 1996, địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn Đ, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 9 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trịnh Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn Đ qua việc tìm hiểu, lấy nhau là do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày

09/02/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó đã xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, nên thường xuyên xảy ra việc cãi vã, xúc phạm nhau. Chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm để vợ chồng chung sống với nhau nhưng không có kết quả, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Đến đầu năm 2021 thì chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ sống chính thức ly thân cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm, nên đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị Trịnh Thị L xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô Đức T, sinh ngày 15/11/2019 và cháu Ngô Ánh D, sinh ngày 01/01/2022. Hiện nay cháu D đang ở với chị, còn cháu T đang ở với anh Đ và ông bà nội. Quan điểm của chị L là mỗi người sẽ trực tiếp nuôi dưỡng một con chung; hai bên không ai phải cấp dưỡng. Chị L có ý kiến là để thuận tiện cho cả hai bên vợ chồng trong việc chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Ngô Ánh D, vì cháu đang còn nhỏ, rất cần có sự chăm sóc của mẹ; đề nghị giao con chung là cháu Ngô Đức T cho anh Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Chị Trịnh Thị L xác định vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Văn Đ đã được Tòa án triệu tập để lấy lời khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 26/9/2024 tại gia đình anh Ngô Văn Đ, bố đẻ anh Đ là ông Ngô Xuân L1 cho biết:

Giữa anh Đ và chị L có quan hệ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2018. Sau khi lấy nhau thì vợ chồng vào miền N làm ăn, giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì gia đình không biết. Tuy nhiên, từ năm 2023 thì chị L không về gia đình ông sinh sống nữa. Vợ chồng anh Đ và chị L có 02 con chung là cháu Ngô Đức T, sinh năm 2019 và cháu Ngô Ánh D, sinh năm 2022. Hiện nay cháu T đang ở với anh Đ và ông bà, còn cháu Ánh D đang ở với ông bà ngoại. Gia đình ông có nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và Giấy hẹn làm việc, gia đình ông đã gửi lại cho anh Đ, nhưng vì lý do anh Đ bận công việc nên không đến Tòa án làm việc được. Trong thời gian vừa qua, anh Đ bị bệnh nên về nhà điều trị bệnh, tuy nhiên từ ngày 24/9/2024 thì anh Đ lại vào trong tỉnh Bình Dương đi làm ăn (anh Đ làm nghề lái xe container). Văn bản Tòa án gửi gia đình ông sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh Đ biết.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 26/11/2024 tại gia đình anh Ngô Văn Đ, bố đẻ anh Đ là ông Ngô Xuân L1 cho biết:

Ông đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và giao đầy đủ cho anh Ngô Văn Đ. Quan điểm của anh Đ là không muốn ly hôn, tuy nhiên anh Đ làm công việc lái xe, thường xuyên vắng nhà nên không có thời gian đến Tòa án làm

việc. Đầu tháng 11/2024 thì anh Đ có về nhà, nhưng chỉ ở nhà 1, 2 ngày rồi lại đi. Trong hai con chung của anh Đ và chị L, thì cháu Ngô Đức T, sinh ngày 15/11/2019 đang ở với vợ chồng ông, còn cháu Ngô Ánh D, sinh ngày 01/01/2022 hiện đang ở với ông bà ngoại.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 26/11/2024, đại diện UBND xã T cho biết:

Chị Trịnh Thị L và anh Ngô Văn Đ có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05, ngày 09/02/2018. Qúa trình chung sống vợ chồng chị L và anh Đ có 02 con chung là cháu Ngô Đức T, sinh ngày 15/11/2019 và cháu Ngô Ánh D, sinh ngày 01/01/2022. Hiện nay chị Trịnh Thị L và anh Ngô Văn Đ đã sống ly thân. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng, địa phương không nắm bắt được vì gia đình không báo cáo và không yêu cầu hòa giải ở cơ sở.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị L được ly hôn đối với anh Ngô Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Ngô Ánh D, sinh ngày 01/01/2022 cho chị Trịnh Thị L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao con chung là cháu Ngô Đức T, sinh ngày 15/11/2019 cho anh Ngô Văn Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Trịnh Thị L và anh Ngô Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự: Chị Trịnh Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trịnh Thị L khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Ngô Văn Đ, cư trú tại: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Ngô Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn là chị Trịnh Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị L và anh Ngô Văn Đ tự nguyện kết hôn, đã được UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/02/2018, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, tình cảm giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình, nên thường xuyên xảy ra việc cãi vã. Từ năm 2021 vợ chồng đã sống ly thân. Qúa trình giải quyết vụ án, chị L một mực đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn; anh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết được Tòa án đang thụ lý giải quyết quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm, cũng như tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa, điều đó thể hiện anh Đ không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị L, xử cho chị Trịnh Thị L được ly hôn với anh Ngô Văn Đ.

[3] Về con chung: Chị Trịnh Thị L và anh Ngô Văn Đ có 02 con chung là cháu Ngô Đức T, sinh ngày 15/11/2019 và cháu Ngô Ánh D, sinh ngày 01/01/2022. Con chung là cháu Ngô Ánh D hiện nay đang ở với chị L, con chung là cháu Ngô Đức T hiện đang ở với anh Đ.

Qúa trình giải quyết vụ án, chị L có ý kiến đề nghị giải quyết cho chị L và anh Đ mỗi người được quyền trực tiếp nuôi 01 con chung, chị L xin nuôi cháu D, đề nghị giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng; Anh Đ thì không trình bày quan điểm về nuôi con chung. Tuy nhiên, xét chị L và anh Đ đều có các điều kiện để trực tiếp nuôi con; hơn nữa vợ chồng có 02 con chung đang cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng, việc giao cả 02 con cho một người trực tiếp nuôi sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy, để đảm bảo quyền được nuôi con của hai bên vợ chồng sau ly hôn, cần thiết giao cho cả hai bên vợ chồng mỗi người đều được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung. Xét con chung là cháu Ngô Ánh D đang còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi),

thực tế hiện đang ở với chị L, nên cần thiết phải giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Ngô Đức T hiện đang ở với anh Đ, nên cần giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, như vậy là đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con và phù hợp với quy định của pháp luật. Chị L và anh Đ mỗi người đều đã trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung, do đó hai bên không ai phải cấp dưỡng.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Trịnh Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Ngô Văn Đ không có lời khai trong hồ sơ. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị L được ly hôn với anh Ngô Văn Đ.

2. Về con chung: Chị Trịnh Thị L và anh Ngô Văn Đ có 02 (hai) con chung là cháu Ngô Đức T, sinh ngày 15/11/2019 và cháu Ngô Ánh D, sinh ngày 01/01/2022.

Giao con chung là cháu Ngô Ánh D cho chị Trịnh Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung là cháu Ngô Đức T cho anh Ngô Văn Đ được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trịnh Thị L và anh Ngô Văn Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trịnh Thị L và anh Ngô Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị L đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005188 ngày 17/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, chị Trịnh Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Thuận Minh, huyện Thọ Xuân;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến